TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ QUÝ
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: *01/2017/HNGĐ-ST*
Ngày: *19/9/2017*
V/v: *"Ly hôn"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ QUÝ, TỈNH BÌNH THUẬN
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Văn Kiệt
Các hội thẩm nhân dân:
1. Ông Văn Quang Thương
2. Bà Nguyễn Thị Ái Loan

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Phương Dung – Cán bộ Toà án nhân dân huyện Phú Quý, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Quý, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Phất - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2017 tại phòng xử án của Toà án nhân dân huyện Phú Quý, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 17/2017/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2017, về việc "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 9 năm 2017, giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:***
Chị Biện Thị Mỹ P – Sinh năm: 1997 (có mặt)
Nơi đăng ký HKTT: Thôn T, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định
Nơi tạm trú và sinh sống: Thôn M, xã T, huyện P, tỉnh Bình Thuận.

****Bị đơn:***
Anh Mai Duy Đ – Sinh năm: 1982 (có xin xét xử vắng mặt)
Nơi đăng ký HKTT: Thôn T, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định
Nơi tạm trú và sinh sống: Thôn M, xã T, huyện P, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn ly hôn ngày 05/7/2016 và quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Biện Thị Mỹ P trình bày:

Chị và anh Đ tự nguyện tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn vào năm 2014 tại UBND xã L, huyện P, tỉnh Bình Thuận.

Vợ chồng chị sống chung với nhau bình thường, hạnh phúc với nhau. Đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng thường hay cãi nhau, anh Đ thường hay đánh và dùng lời lẽ nhục mạ chị và gia đình chị. Hai vợ chồng sống với nhau không còn hạnh phúc, tình cảm vợ chồng nhạt phai dần. Đến năm 2017 thì mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm ai tuy sống chung một nhà từ đó cho đến nay. Sau đó chị đã nộp đơn nhiều lần tại Toà án huyện P nhưng đều rút đơn để vợ chồng suy nghĩ hàn gắn mâu thuẫn gia đình. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn được nên chị yêu cầu xin được ly hôn với anh Mai Duy Đ.

Về con chung: Có 01 con chung tên Mai Duy Quốc H – Sinh ngày 05/6/2014. Sau khi ly hôn chị xin được quyền nuôi con chung, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, nợ chung: Chị P và anh Đ tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 23/8/2017, bị đơn anh Mai Duy Đ trình bày: Anh thừa nhận lời trình bày của chị P về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn và con chung. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống hạnh phúc nên anh cũng đồng ý với yêu cầu ly hôn của chị P.

Về con chung: Anh xác nhận có một con chung tên là Mai Duy Quốc H – Sinh ngày 05/6/2014 như chị P trình bày. Ly hôn, anh đồng ý để con cho chị P nuôi dưỡng và chăm sóc, anh không cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản, nợ chung: Anh khai không có và không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên toà:

Anh Đ thể hiện ý chí xin được xét xử vắng mặt tại biên bản lấy lời khai ngày 23/8/2017.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Quý, tỉnh Bình Thuận phát biểu: Qúa trình giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Toà án nhân dân huyện Phú Quý tuân theo đúng pháp luật tố tụng về việc xác định quan hệ tranh chấp, tư cách đương sự, tiến hành thu thập chứng cứ. Tại phiên toà, Hội đồng xét xử tiến hành theo đúng trình tự tố tụng, các đương sự chấp hành tốt quy định pháp luật về tố tụng. Về nội dung, yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xet xử chấp nhân.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về quan hệ tranh chấp: Chị P có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Đ. Anh Đ có đăng ký tạm trú tại thôn M, xã T, huyện P, tỉnh Bình Thuận. Căn cứ vào khoản 01 Điều 28; điểm a khoản 01 Điều 35; điểm a khoản 01 Điều 39 Bộ luật tố

tụng dân sự năm 2015 thì Toà án nhân dân huyện Phú Quý thụ lý giải quyết là đúng theo quy định của pháp luật về thẩm quyền.

Về thủ tục tố tụng: Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn số 55 quyển số 01 ngày 28/7/2014 do Ủy ban nhân dân xã L, huyện P, tỉnh Bình Thuận cấp thì hôn nhân giữa chị P và anh Đ là hợp pháp theo quy định Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình giải quyết, anh Đ đã được Toà án triệu tập hợp lệ lên Toà để trình bày ý kiến, tham gia hoà giải và tham gia phiên toà nhưng anh Đ có yêu cầu Toà án giải quyết, xét xử vắng mặt với lý do bận công việc đi biển. Do đó, căn cứ vào Điều 175, khoản 01 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Toà án tiến hành xét xử vắng mặt anh Đàng.

Xét yêu cầu của đương sự:

Về quan hệ hôn nhân: Chị P có yêu cầu xin ly hôn với anh Đ. Hội đồng xét xử xét thấy: Cuộc sống vợ chồng chị P anh Đ không hạnh phúc, không có tiếng nói chung, không tin tưởng lẫn nhau. Nguyên nhân do anh Đ nghi ngờ chị P có trai bên ngoài, dẫn đến vợ chồng thường hay cãi nhau, anh Đ hay đánh và dùng lời lẽ nhục mạ chị và gia đình chị. Hai vợ chồng sống với nhau không còn hạnh phúc, tình cảm vợ chồng nhạt phai dần. Đến năm 2017 thì mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm ai tuy sống chung một nhà từ đó cho đến nay. Sau đó chị đã nộp đơn nhiều lần tại Toà án huyện Phú Quý nhưng đều rút đơn để vợ chồng suy nghĩ hàn gắn mâu thuẫn gia đình. Điều này chứng tỏ vợ chồng chị P anh Đ có mâu thuẫn tồn tại. Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã triệu tập hợp lệ anh Đ đến Toà án để lấy lời khai, tham gia phiên hoà giải và tham dự phiên toà xét xử vụ án ly hôn nhưng anh Đ không đến. Tại biên bản lấy lời khai ngày 23/8/2017 anh Đ cho rằng, anh vẫn còn thương yêu vợ con nhưng nếu chị P cương quyết ly hôn thì anh đồng ý với yêu cầu của chị P. Xét thấy, cuộc sống của vợ chồng chị P anh Đ không hạnh phúc, không có tiếng nói chung, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào khoản 01 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị P.

Về con chung: Có 01 con tên Mai Duy Quốc H – Sinh ngày 05/6/2014. Sau khi ly hôn, chị P xin được quyền nuôi, việc này anh Đ đồng ý giao con chung cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc và không có yêu cầu anh Đ cấp dưỡng tền nuôi con. Xét con chung anh chị đang sống với mẹ từ nhỏ, hiện nay do chị P đang nuôi dưỡng nên để đảm bảo sinh hoạt ổn định cho trẻ Mai Duy Quốc H, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của chị P.

Về tài sản, nợ chung: Chị P và anh Đ đều khai không có và không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Biện Thị Mỹ P phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

**** Áp dụng:***

- Khoản 01 Điều 28, điểm a khoản 01 Điều 35; điểm a khoản 01 Điều 39; khoản 04 Điều 147; khoản 01 Điều 228 Bộ luật TTDS 2015;
- Điều 9; khoản 01 Điều 56; Điều 58 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;
- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết về án phí, lệ phí Toà án năm 2016.

**** Tuyên xử:***

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Biện Thị Mỹ P.

Chị Biện Thị Mỹ P được ly hôn với anh Mai Duy Đ.

2/ Về con chung: Giao con chung Mai Duy Quốc H – Sinh ngày 05/6/2014 cho chị Biện Thị Mỹ P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Anh Đ không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị P nhưng được quyền thăm nom, chăm sóc con chung; chị P không được ngăn cản.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên hoặc cá nhân tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Toà án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3/*Về tài sản, nợ chung:* Chị P và anh Đ đều khai không có và không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4/ Về án phí: Chị Biện Thị Mỹ P phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà chị P đã nộp theo biên lai thu tiền số 0013564 ngày 19/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Quý. Chị P đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm, nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (*ngày 19/9/2017*). Bị đơn vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán – Chủ Toạ Phiên Toà

Trần Văn Kiệt

Nơi nhận:
- *VKSND huyện Phú Quý;*
- *Chi cục THA huyện Phú Quý;*
- *Tòa án tỉnh Bình Thuận;*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã Long Hải (để ghi vào sổ hộ tịch);*
- *Lưu HS, VP.*